

Tùy duyên

Nhân đọc cuốn *Đấu vật nhiệm màu*¹⁾ của Đạo sư Duy Tuệ

PHẠM ĐỨC DƯƠNG^(**)

Tôi có duyên may được gặp Đạo sư Duy Tuệ trong dịp chúng tôi làm lễ động thổ để tôn tạo lại chùa Vân Tiêu cùng với đồng đạo bà con trong Nam ngoài Bắc có lòng hảo tâm muốn hành hương về Yên Tử, nơi vua Trần Nhân Tông, Đức Phật tổ của Việt Nam, đã từng sống và dạy Đạo cách nay gần 700 năm.

Trời đã về chiều, gió se lạnh, giữa cảnh âm u tĩnh mịch chốn Vân Tiêu (nơi mà mây không bao giờ tụ lại – mây tan), những giọt nắng như còn lưu luyến vấn vương trên ngọn cây và sương mờ lắng xuống bao phủ kín dưới lưng đồi... Tôi cũng không nhớ bắt đầu từ đâu và từ lúc nào, Đạo sư Duy Tuệ đã truyền lại cho tôi cái cảm nhận thánh thiện, niềm hạnh phúc khai mở được tái hiện mà xưa kia cách đây 700 năm Đức Vua Trần Nhân Tông đã ghi lại trong bài thơ chữ Hán của Người về am Vân Tiêu:

“Đình đình bao cái cao phàn vân

Kinh tiêu cung khuyết vô phàn trần...

Thủ long, thủ nguyệt, dĩ thủ nhân

Hợp thành thiên hạ tam kì tuyệt!”

Tạm dịch:

(“Quả núi vời vợi như chiếc lọng hoa cao với tới mây

Cung điện thần tiên không gọi chút trần tục...

Gió đây, trăng đây, với người đây

Hợp với nhau thành ba thú tuyệt diệu trong trời đất”).

Và cứ thế, tôi được Đạo sư dẫn vào nội tâm sâu kín của chính mình. Ông chậm rãi từng bước như tay lần tràng hạt hành thiền với một giọng nói trầm lắng “ai cũng có Phật tính trong con người, nhưng những dục vọng của cuộc đời đã cuốn hút chúng ta và làm lu mờ cái bản chất thánh thiện của con người, mà theo cách nói của Khổng Tử là “nhân chi sơ tính bản thiện.” Nếu vén được cái màn sương dục vọng ấy thì tâm Phật sẽ được khai mở, toả sáng và con người sẽ sống và làm việc tốt đẹp hơn, từ ông thủ tướng cho đến người dân thường. Thậm chí một kẻ ăn mày có chút ánh sáng tâm Phật thì anh ta cho dù không thay đổi được thân phận, nhưng đi ăn xin một cách sạch sẽ hơn.

Vì vậy đạo Phật lấy hoa sen làm biểu tượng cho sự giải thoát. Hoa sen sống trong bùn. Bùn là biểu tượng cho cuộc sống, cho các loại dục vọng nhưng sen vẫn ngạt ngào hương sắc “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

*. Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2006.

**.. GS. TS. Hội Nghiên cứu Khoa học Đông Nam Á Việt Nam.

Qua quá trình giảng dạy văn hoá ở các trường đại học và các viện nghiên cứu, tôi hiểu được rằng: Tạo hoá đã đặt con người trước một nghịch lí vĩ đại mà trong suốt chiều dài vô tận của mình, con người phải vật lộn để cuộc sống được an bình, cân bằng. Đó là mối quan hệ giữa *Con* và *Người* trong con người. Là *Con* - con người cũng như các thú vật đều tham - sân - si, đều là hữu hạn trong cái vòng sinh - lão - bệnh - tử; là *Người* nó lại luôn luôn hướng thiện và muốn trường sinh bất tử. Để con người được giải thoát và đạt tới cõi Niết Bàn (từ Ấn Độ Nirvana: Nir phủ định từ, vana: dục vọng, sự sống), đạo Phật chủ trương lấy giới, định, tuệ (sila, samadhi, prajna) làm cốt lõi cho đời sống của Phật tử. Thông qua sự tu tập, trong đó thiền được xem là giải pháp quan trọng để thay thế dục lạc (lạc thú nhục dục) bằng thiên lạc (thú vui của thiền định).

Đạo sư Duy Tuệ, như ông tự bạch và như nhiều người đã biết, vốn không phải là một người xuất gia có nhiều thời gian tu tập, mà là một con người bình thường sống lặn lội trong cuộc đời và cũng có nhiều thành đạt. Ông là một nhà kinh doanh giàu có đã bôn ba nhiều nước; có một gia đình ấm cúng vợ con đang hoàng; có một môi trường bầu bạn giao du rộng rãi, v.v... Nhưng ông chưa một lần cảm thấy hạnh phúc và yên ổn. Ông từ bỏ mọi thứ và đi ăn mày của Phật. Ông đã viết một bài “ăn xin” cực kì xúc động khi ông ngồi bán già dưới gốc Bồ Đề. Cầm những đồng tiền bố thí mà nước mắt ông ràn rụa. Phải tập kiếm sống ăn xin và ông đã đốn ngộ: “Tự tâm ta biết rằng, hành động sống đòi ăn xin của ta là để cho người đời tăng thêm phước.” Ông không phải là người thuộc lâu kinh Phật, thông thạo

giáo lí như các hoà thượng trong Giáo hội Phật giáo, nhưng khi đốn ngộ ông như được Đức Phật khai mở tâm Phật và thấp sáng tuệ nhãn và tu tập hành đạo một cách tự nhiên, tự nguyện. Con đường của ông đến với Đức Phật là con đường trải nghiệm tâm linh hơn là giác ngộ về giáo lí. Và ông như được sinh ra để làm một sứ giả của Đức Phật là truyền đạt những tư tưởng của Đức Phật vào đời sống thường ngày của chúng sinh.

Nếu như trong cuốn *Hành trang vào đời*⁽¹⁾ ông đã diễn giải một cách dung dị, bằng tiếng nói thật mộc mạc của con tim, bằng tâm Phật, để giúp con cháu, cũng bằng trực cảm nhận thức thực chất giáo lí sâu sắc của đạo Phật để rồi hành xử trên cơ sở đạo đức và hướng thiện, thì cuốn *Vật báu nhiệm màu* là một sự tiếp tục khám phá cái tâm của mình, của bạn bè và chúng sinh trên con đường đến với Đức Phật. Đây là những suy tư cảm xúc, những cuộc trao đổi, tiếp xúc của ông với nhiều người trong và ngoài nước.

Có thể nói Đạo sư Duy Tuệ với tình cảm riêng của mình đã cảm nhận được cái Phật tính nguyên uỷ và muốn trả lại cho đời một cái đạo Phật vô thần.

Ông viết:

“Hàng nghìn năm người ta đã nhầm

Ngồi thiền để thành Phật!... không phải tu để thành Phật!

Mà phải nhận ra bản chất Phật của mình... khi nhận ra bản chất này

Giúp con người sẽ hạnh phúc trong địa vị mình

Từ kẻ ăn xin cho đến bậc vua chúa

Đều an vui trong vị trí của mình”.

1. Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2001.

Ông coi Đức Phật “là vị Thầy vĩ đại nhất” và vị Thầy ấy đang nằm trong ta (bảo tháp). “Hãy nhận ra vị Thầy vĩ đại nơi mình và lễ lạy”. Đó chính là tâm Phật. Ông còn khuyên các tu sĩ: “Đời sống của tu sĩ là cách chọn riêng của mỗi người, là hạnh phúc riêng của mỗi người, nhưng nhất thiết nó không phải là lí tưởng của mọi người”. Trong một bức thư dài gửi cho tôi từ Singapore, ông nói:

“Từ bao thế kỉ ấy

Người ta đặt niềm tin và trao thân phận cho tôn giáo

Ôi! Những kẻ nô lệ!

Sự huyền hoặc của tôn giáo

Lại trở thành khuôn mẫu cho con người!

Ôi tối tăm lại chồng chất tối tăm!

Ôi đau khổ lại chồng chất đau khổ!”

Đi máy bay trên bầu trời ông khát khao “vượt ra, vượt ra, vượt ra khỏi, vượt ra tất cả sự chấp ngã... để sống với tâm vô lậu, với tuệ giải thoát”. Nhiều hình tượng chứa đựng những triết lí sâu sắc như trong bài “Hãy nhìn từ sự trong suốt” ông đã viết:

“Đừng nhìn tôi qua kinh nghiệm của đời ... qua suy luận...

Đừng nhìn tôi bằng tình thương hay lòng căm ghét...

... bằng ý tưởng thông minh hay lòng khờ dại...

.... bằng niềm vinh hay nỗi nhục...

... bằng quá khứ hay tương lai...

Hãy nhìn tôi từ sự trong suốt ở tâm bạn

Hãy nhìn như thế mới thấy được tôi...”

Và từ đó, Đạo sư Duy Tuệ đã tìm thấy cái tâm Phật ở người Việt Nam đã tỏa

sáng qua cuộc đời, sự nghiệp và nhân cách của vua Trần Nhân Tông - một Thánh Vương đã lập nên chiến công rực rỡ và từng sống một cuộc đời sung sướng. ấy thế mà ngài đã từ bỏ tất cả để xuất gia hành đạo và trở thành Phật Tổ Việt Nam, đề xướng tư tưởng “Cư trần lạc đạo”.

“Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói cứ ăn đi, mệt ngủ liền

Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm

Vô tâm đối cảnh hỏi chi thiền!”

Từ đó đến nay - 700 năm qua, Yên Tử vẫn là thánh địa của đạo Phật Việt Nam.

Trần Nhân Tông là Thánh Vương - Trần Nhân Tông là Phật tổ, hoàn toàn xa lạ với khái niệm vua - thần trong tôn giáo Ấn Độ: cấp cho vương quyền một cái nhãn thần quyền.

Còn về phần mình, có một người đệ tử hỏi ông: Sao Thầy tu mà không ở chùa? Đạo sư Duy Tuệ trả lời: “Đức Phật có chùa đâu, Đức Chúa Giêsu có nhà thờ đâu, Đức Lão Tử và Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhà đâu! Tôi không phải là các ngài ấy nhưng tôi nguyện theo gương các ngài ấy! Phải chăng ông đã tự nguyện nhận lấy vai trò Bồ Tát? Bởi theo Đạo sư Bồ Tát là người “trợ duyên” cho chúng sanh thành tựu cõi Phật nơi họ, khai thị ngộ nhập Phật - Tri - Kiến. Muốn vậy phải sống với chúng sinh. Cửa Phật không phải là sân khấu mà cứ lập ra cho nhiều để diễn mãi những vở kịch vô nghĩa bắt chúng sinh đi xem; Đạo Phật cũng không phải các am, cho các nhà tu hành đóng cửa để tu luyện; cũng không phải ngồi thiền mà trở thành Phật... Không có con đường vào Đạo, chỉ có con đường vào thất vào am. Đạo chính là tâm Phật nơi ta và ta sống sao cho hợp Đạo;

không có chuyện đắc Đạo, nếu có Đạo để đắc, Đạo ấy không phải là Đạo!”

Đi theo tâm nguyện của một Bồ Tát, ông trợ duyên để giúp mọi người khai mở tâm Phật ở ngay trong họ làm cho họ thấy được “tài sản vô hình” đó để họ phát huy nội lực và sống sao cho đẹp đạo đẹp đời, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.”

Đúng là chúng sinh trong đời thường có biết bao nhiêu điều bận tâm, lo âu. Thường tình người ta đến cầu xin Đức Phật khi gặp phải những nỗi khổ trên đời. Còn khi sung sướng mấy ai đã đến với cửa Phật. Nhưng cuộc đời là “bể khổ” đầy “nghiệp chướng” vì lòng tham của con người là vô đáy. Do đó “những niềm vui không phải là bài học. Khi khổ đau đến ấy là lúc Phật nhắc bài. Cái gì con đang sống với là đang vào lớp, khi mất đi ấy là lúc Phật giảng bài!”

Đạo sư Duy Tuệ rất quan tâm tiếp xúc với các nhà lãnh đạo các cấp vì theo ông, những người “công bộc” của dân cũng là những vị Bồ Tát, họ phải trợ duyên cho quần chúng mở mang tâm Phật. Làm chỗ dựa tâm linh cho dân là thiên mệnh của những người công bộc. Lâu nay, những người có trách nhiệm với dân đã bỏ trống trận địa tâm linh để cho những kẻ xấu lợi dụng.

Và vấn đề ông đặt ra là làm thế nào để hiểu mình, hiểu người để có sự sáng suốt để ứng xử tốt hơn, đỡ khổ đau? Hiểu mình là để tự cứu mình không thể trông chờ vào bất cứ ai kể cả Phật, kể cả Trời. Trong mỗi chúng ta đã sẵn có một kho báu vô giá. Đó là tình thương. Đạo sư Duy Tuệ đã giải thích cho ta hình tượng Đức Di Lặc trong kinh *Diệu pháp liên*

hoa có cái bụng to chứa được tất cả những điều mà người đời không chứa nổi với một sự hoan hỉ, một nụ cười cởi mở độ lượng, mặc dù Ngài cũng nghĩ đến danh lợi, lười biếng, học đâu quên đó! Ham muốn là dục nên phải bắt đầu từ dục để thăng hoa, không thể bỏ qua được đoạn đường tục lụy này. Nếu như tâm Phật là tài sản vô hình, thì tình thương là tài sản vô giá. Tình thương lớn tới đâu sự nghiệp lớn tới đó. Hãy tập sống thương người không cần biết họ có thương mình không, giống như mặt trời toả sáng cho muôn loài, không đòi hỏi phải đền đáp điều gì.

Theo Đạo sư Duy Tuệ, chúng ta có 2 loại trí tuệ: trí tuệ xuất phát từ tình thương và trí tuệ xuất phát từ suy nghĩ, học hành. Người vĩ đại nhất trên thế gian này là người có tình thương lớn nhất (không phải là người có kiến thức, có học vấn cao nhất). Nhưng muốn chia sẻ tình thương cho mọi người thì phải học rộng, hiểu nhiều. Do đó chúng ta phải luyện tập, phải tập thương để nhận biết tình thương và bố thí (một phép tu quan trọng), chỉ biết cho mà không biết nhận. Tập thương trước hết là thương những người ghét mình - những người mà mình thương họ chưa nhiều: lòng mình mở rộng và bao chứa tất cả. Suy cho cùng mình vì mọi người, nhưng mình là người hưởng trước. Đời vốn đầy nghịch lý: người lo tính toán thì tâm không yên, lo âu, đau khổ, như người bơi ngược dòng; ai nương theo thì nhẹ nhàng, hồn nhiên vui vẻ để đến với bờ bến bình yên.

Còn theo đạo Phật mà Đạo sư Duy Tuệ giảng cho tăng ni thì phải có tình thương trong 2 cảnh giới: có sinh có diệt và không sinh không diệt. Không sinh không diệt là tình thương của Phật lớn lao vô tận. Người thầy tu chỉ làm nhiệm vụ gợi ý, còn

người thầy chính là người thầy bên trong ta tức là tâm Phật. Sự mâu nhiệm của tính Phật ấy ở mỗi người đều có - thế giới vắng lặng mà kinh *Pháp hoa* gọi là Diệu pháp hay Vô lượng định xứ. Điều cơ bản của kinh *Diệu pháp liên hoa* chính là hình ảnh Đức Phật nhập vào “vô lượng định xứ”. Phải tu tập, phải thiền để về với trạng thái hỗn nhiên ban đầu. Do đó, tất cả các pháp tu chỉ nhằm đưa tâm ta trở về cõi bình an. Chỉ cần giữ được cõi bình an thì sự nhiệm màu sẽ phát sinh (lòng từ bi khai mở, tâm hỉ xả, thánh thiện...) và giúp cho các thầy tu có “hạnh”. Có lẽ các sư hay suy nghĩ hơn tăng nên Đạo sư Duy Tuệ nói rằng hễ suy nghĩ nổi lên thì Phật vắng, không suy nghĩ thì Phật lộ. Phật tánh nếu đủ nhân duyên sẽ bừng nở thành hoa sen vô lượng cánh, được gọi là Diệu pháp liên hoa. Trong cuộc sống phải sử dụng cảnh giới sinh diệt để hoàn thành mọi công việc của nhà chùa, nhưng phải luôn nhớ cõi tâm vô nhiễm để đạt tới chính quả.

Đọc sách *Báu vật màu nhiệm* của Đạo sư Duy Tuệ, tôi cảm nhận được con người đang sống đồng thời với 2 cảnh giới: Đạo và Đời, và Đức Phật giúp ta khai mở tâm Phật để chúng ta sống với đời tốt đẹp hơn, ngay trong cuộc đời này, ngay ngày hôm nay chứ không phải tìm đâu xa.

Đạo sư Duy Tuệ và các bạn bè trong Trung tâm UNESCO Nghiên cứu và ứng dụng Phật học Việt Nam cùng với Hội Khoa học Đông Nam Á đang mong muốn tôn vinh và khai thác những giá trị khác của các di sản vật thể và phi vật thể để nêu cao ngọn cờ văn hoá Việt Nam. Các vị đã làm được nhiều việc như tham gia trùng tu các di tích lịch sử, chăm lo đời

sống tâm linh cho những người đã khuất, mở các lớp huấn luyện, thậm chí dạy thiền để cai nghiện, xuất bản sách báo, giúp đỡ học sinh nghèo, v.v... Đặc biệt Đạo sư Duy Tuệ cùng các đệ tử và các thầy pháp sư mong muốn giúp dân “làm chủ trên tín ngưỡng, trên tôn giáo, trên niềm tin tâm linh, phải giúp họ thoát khỏi nô lệ tôn giáo, nô lệ tín ngưỡng”.

Mời các bạn hãy đón đọc *Vật báu nhiệm màu* để tự chiêm nghiệm, tự khai mở tâm Phật và làm sáng lên trong lòng bạn những tình cảm thánh thiện để chí ít cũng giảm bớt dục vọng, hơn nữa những dục vọng bất chính, vật chất và giương cao ngọn cờ khoan dung mà tiền nhân đã để lại cho con cháu chúng ta.

Riêng về phần mình, tôi rất cảm ơn Đạo sư Duy Tuệ và các vị đã đem đến cho tôi niềm vui, sự thanh thản và thôi thúc tôi, cổ vũ tôi, căn dặn tôi: “Tâm trí là bầu trời tâm nơi ấy. Những dòng suy nghĩ tuôn chảy không ngừng. Vô tâm trí là bầu trời tâm chỉ có sự nhận biết của tâm. Sự biết không khách thể. Vừa là chủ thể vừa là khách thể. Khi đã có kinh nghiệm ấy, giáo sư sẽ ngộ được tâm linh. Chỉ khi ấy trở đi. Tri thức của ông sẽ có tác dụng...” Năm ấy, tôi bước vào tuổi 73 và được Đạo sư Duy Tuệ cho nhận pháp danh (Thánh danh) là Minh Tuệ, tôi muốn dùng 4 câu kệ trong tộc phả họ Nghiêm Bá làng Tây Mỗ, huyện Từ Liêm để nói lên tâm nguyện của mình:

“Tuỳ duyên làm mọi việc
Xong việc lại như không
Có và không, không chấp
Trăng thu vàng vạc trong”/.